|  |  |
| --- | --- |
| **ỦY BAN NHÂN DÂNTỈNH HÀ TĨNH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAMĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: 381/TTr-UBND |  *Hà Tĩnh, ngày 28 tháng 11 năm 2017* |

**TỜ TRÌNH
Về việc sửa đổi, bổ sung một số khoản phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Tĩnh

 Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

 Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015;

 Căn cứ Luật Phí và Lệ phí ngày 25/11/2015;

Căn cứ Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23/8/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và Lệ phí;

Căn cứ Nghị định số 154/2016/NĐ-CP ngày 16/11/2016 của Chính phủ về phí bảo vệ môi trường đối với nước thải;

Căn cứ Thông tư số 250/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Thông tư số 96/2017/TT-BTC ngày 27/9/2017 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 250/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

 Xét đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 4239/TTr-STC ngày 17/11/2017 về việc sửa đổi, bổ sung một số khoản phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh (trên cơ sở đề nghị của các cơ quan, đơn vị); các Báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp tại Văn bản số 493/BC-STP ngày 10/11/2017 và Văn bản số 506/BC-STP ngày 16/11/2017;

 Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét ban hành quy định sửa đổi, bổ sung một số khoản phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh với các nội dung chủ yếu như sau:

**1. Quy định tỷ lệ để lại về phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt áp dụng trên địa bàn tỉnh:**

a) Căn cứ ban hành:

Theo Luật Phí và Lệ phí năm 2015, phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt thuộc thẩm quyền quyết định của Chính phủ. Ngày 16/11/2016, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 154/2016/NĐ-CP về phí bảo vệ môi trường đối với nước thải bao gồm các quy định về đối tượng chịu phí, các trường hợp miễn phí, người nộp phí, mức thu, kê khai, nộp, quản lý và sử dụng phí bảo vệ môi trường đối với nước thải.

Tại Khoản 4 Điều 10 Nghị định số 154/2016/NĐ-CP ngày 16/11/2016 của Chính phủ quy định: Sở Tài chính có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, Cục thuế tỉnh tham mưu cho UBND tỉnh trình HĐND cùng cấp quy định tỷ lệ để lại về phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Nghị định này.

Tại Khoản 1 Điều 9 Nghị định số 154/2016/NĐ-CP ngày 16/11/2016 của Chính phủ quy định:

*“1. Đối với nước thải sinh hoạt:*

*a) Để lại 10% trên tổng số tiền phí bảo vệ môi trường thu được cho đơn vị cung cấp nước sạch và 25% cho Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn để trang trải chi phí cho hoạt động thu phí. Trường hợp số tiền chi phí tổ chức thu thấp hơn tỷ lệ để lại này, Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương quyết định mức tỷ lệ để lại cụ thể phù hợp nhưng tối đa không quá 10% đối với tỷ lệ để lại cho đơn vị cung cấp nước sạch và tối đa không quá 25% đối với tỷ lệ để lại cho Ủy ban nhân dân cấp xã, phường, thị trấn.*

*b) Phần còn lại sau khi trừ số tiền phí được trích để lại, đơn vị cung cấp nước sạch và Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn nộp vào ngân sách địa phương để sử dụng theo quy định tại khoản 3 Điều này.”*

Vì vậy, để triển khai thực hiện Nghị định số 154/2016/NĐ-CP ngày 16/11/2016 của Chính phủ, việc ban hành quy định tỷ lệ để lại về phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt áp dụng trên địa bàn tỉnh là rất cần thiết.

b) Phạm vi áp dụng:

- Phạm vi: Trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.

- Đối với các tổ chức, cá nhân xả nước thải vào hệ thống xử lý nước thải tập trung và trả tiền dịch vụ xử lý nước thải thì không phải nộp phí bảo vệ môi trường đối với nước thải.

c) Đơn vị tổ chức thu phí:

- Các đơn vị cung cấp nước sạch thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt của các tổ chức, cá nhân sử dụng nước sạch;

- Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt của các tổ chức, cá nhân, hộ gia đình tự khai thác nước để sử dụng.

d) Tỷ lệ để lại cho tổ chức thu phí:

- Để lại cho các đơn vị cung cấp nước sạch 10% trên tổng số tiền phí thu được;

- Để lại cho Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn 15% trên tổng số tiền phí thu được.

**2. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 7 Điều 6 Nghị quyết số 26/2016/NQ-HĐND ngày 15 tháng 12 năm 2016 của HĐND tỉnh như sau:**

“Lệ phí đăng ký kinh doanh là khoản thu đối với cá nhân, nhóm cá nhân, hộ gia đình, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh, giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, giấy chứng nhận đăng ký liên hiệp hợp tác xã”.

**3. Thời gian thực hiện:** Từ ngày 01 tháng 01 năm 2018.

 Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình HĐND tỉnh xem xét, quyết định./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***- TTr HĐND tỉnh;- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;- Các Ban HĐND tỉnh;- Các đại biểu HĐND tỉnh;- Chánh, các PVP UBND tỉnh;- Lưu: VT, TH1.- Gửi: Bản giấy. | **TM. ỦY BAN NHÂN DÂN****CHỦ TỊCH****(đã ký)****Đặng Quốc Khánh** |